Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8515.19.90

Mã HS	8515.19.90
Mô tả hàng hóa	Máy và thiết bị hàn các loại dùng điện (kể cả khí ga nung nóng bằng điện), dùng chùm tia laser hoặc chùm tia sáng khác hoặc chùm phô-tông, siêu âm, chùm electron, xung từ hoặc hồ quang, có hoặc không có khả năng cắt; máy và thiết bị dùng điện để xì nóng kim loại hoặc gốm kim loại / - Máy và thiết bị để hàn chảy (nguyên lý hàn thiếc, chỉ có phần nguyên liệu hàn được làm nóng chảy, đối tượng được hàn không bị nóng chảy): / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 23:44:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85151990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15274
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15274
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15274
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14581
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14522
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14522
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14522
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14522
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14522
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14522
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14576
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14576
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14576
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14576

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14576
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14576
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14577
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14577
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14577
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14577
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14577
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14577
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14580
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14528
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14536
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14536
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14536
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14536
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14536
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14536
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14567
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14567
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14567
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14567
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14567
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14567
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14622
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14622
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14622
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14622

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14622
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14622
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14599
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14599
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14599
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14599
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14599
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14599
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14599
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14599
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14599
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14599
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14599
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14599
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14614
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14614
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14614
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14614
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14614
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14614
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14613
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14613
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14613
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14613
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14613
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14613

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14606
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14606
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14606
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14606
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14606
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14606
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14606
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14601
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14601
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14601
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14601
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14601
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14601
RCEP B	2022	2022	0	B!D14601
RCEP B	2023	2023	0	B!E14601
RCEP B	2024	2024	0	B!F14601
RCEP B	2025	2025	0	B!G14601
RCEP B	2026	2026	0	B!H14601
RCEP B	2027	2027	0	B!I14601
RCEP C	2022	2022	0	C!D14601
RCEP C	2023	2023	0	C!E14601
RCEP C	2024	2024	0	C!F14601
RCEP C	2025	2025	0	C!G14601
RCEP C	2026	2026	0	C!H14601
RCEP C	2027	2027	0	C!I14601
RCEP D	2022	2022	0	D!D14600

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14600
RCEP D	2024	2024	0	D!F14600
RCEP D	2025	2025	0	D!G14600
RCEP D	2026	2026	0	D!H14600
RCEP D	2027	2027	0	D!I14600
RCEP E	2022	2022	0	E!D14604
RCEP E	2023	2023	0	E!E14604
RCEP E	2024	2024	0	E!F14604
RCEP E	2025	2025	0	E!G14604
RCEP E	2026	2026	0	E!H14604
RCEP E	2027	2027	0	E!I14604
RCEP F	2022	2022	0	F!D14601
RCEP F	2023	2023	0	F!E14601
RCEP F	2024	2024	0	F!F14601
RCEP F	2025	2025	0	F!G14601
RCEP F	2026	2026	0	F!H14601
RCEP F	2027	2027	0	F!I14601
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13588
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13588
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13588
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13588

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8515.19 có 3 dòng thuế; dòng 8515.19.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8515.19.11 Máy hàn sóng; 8515.19.19 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8515.19.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8515.19.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15274), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.